TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2018/HSST
Ngày: 20/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Long
2. Ông Trần Quảng Thái

- Thư ký phiên toà:Bà Ma Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 424/2018/HSST ngày 08/10/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 466 /2018/QĐXXST-HS ngày 06/11 /2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh ngày 01/01/1965.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã Đ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa 0/10; nghề nghiệp: Không; Không xác định được lai lịch quê quán; bị cáo chung sống như vợ chồng với bà Trần Thị C, sinh năm 1956 trú tại Xóm Đ, xã Đ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Không có con.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Tại bản án số 11/2006/HSST ngày 21/3/2006, Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù giam, về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 16/5/2006 đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2018 đến nay

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị cáo Trần Văn P, sinh ngày 11/10/1960

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở Xóm Đ, xã Đ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa 9/10; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn C, sinh năm 1936, con bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1936 (đều đã chết); gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1961, trú tại Xóm Đ, xã Đ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Có 03 con, con lớn sinh năm 1981, con thứ hai sinh năm 1983; con thứ ba sinh năm 1985.

- Tiền án: Tại bản án số 234/2015/HSST ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 03 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 02/10/2017 chấp hành xong án phạt tù. Phần án phí đã chấp hành xong ngày 27/5/2016.

- Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2018 đến nay

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Người bị hại:** Chị Mã Thị H, sinh năm 1983

ĐKHK: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở: Tổ 19, phường H, thành phố TN , tỉnh Thái Nguyên.*(Cómặt tại phiên tòa)*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961,

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở xóm Đ, xã Đ, thành phố TN, tỉnhThái Nguyên.*(Có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h ngày 04/7/2018, Nguyễn Văn C đi bộ từ nhà tại xóm Đ, xã Đ, thành phố TN đến phòng trọ của chị Mã Thị H, sinh năm 1983, HKTT Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên hiện đang trú tại tổ 19, phường H, thành phố TN mục đích tìm chồng chị H là anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1979, HKTT xã B , huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) để đòi nợ. Khi đến nơi C thấy cửa phòng trọ đang khóa, trong nhà không có ai, C nhặt 01 thanh sắt dài 50cm ở sân phòng trọ và bẻ khóa cửa phòng trọ rồi vứt ổ khóa và thanh sắt ở trước cửa. C đi vào bên trong nhà trọ, mở tủ lanh thấy có 02 quả trứng gà ta còn sống, C lấy ra và cho vào nồi cơm điện để trong phòng luộc ăn. Sau đó C quan sát thấy ở cạnh giường trong phòng trọ có 01 can rượu 20 lít, bên trong còn khoảng 10 lít rượu trắng, C đổ rượu đầy ra 02 cốc nhựa để trên chiếu trải sẵn trên nền phòng trọ mục đích để uống, số rượu còn lại C đổ sang 01 chiếc bình bằng sành để thuận tiện cho việc mang vác rượu đi. C

để bình rượu trên chiếu rồi lấy 01 khay đá trong tủ lạnh ra uống, lấy 02 quả trứng lúc trước luộc trong nồi cơm điện mang ra ăn và uống hết 02 cốc rượu C đã rót ra. Sau khi ăn uống xong C nằm lên giường ngủ khoảng 01 tiếng rồi tỉnh dậy. Sau khi ngủ dậy, C lục lọi đồ đạc, tài sản trong phòng trọ nhằm mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. C đi vào buồng của phòng trọ, quan sát thấy có 01 hộp nhựa hình vuông đựng máy khoan màu xanh nhan hiệu DongCheng, C mở hộp lấy chiếc máy khoan ra và đặt ngoài chiếu, sau đó C tìm trong gần giường phòng trọ thấy có 01 hòm tôn có khóa ngoài, C ra cửa nhặt thanh sắt lúc trước đã sử dụng mở khóa cửa nhà, dùng thanh sắt phá khóa hòm tôn ra và thấy trong hòm có 01 hộp nhựa màu đỏ cam, mặt hình tròn, bên trong có 02 chiếc bông tai màu vàng dạng hình bầu dục, C lấy chiếc hộp bên trong có đựng 02 chiếc bông tai màu vàng ra và cho vào túi áo ngực bên trái C đang mặc. Sau khi trộm cắp tài sản, tay phải C cầm máy khoan, tay trái C xách bình rượu đi về nhà. C cất giấu máy khoan và bình rượu vào khu chuồng bò, gần cổng vào nhà C, còn đôi bông tai C để trong túi áo ngực treo trong tủ của gia đình.

Khoảng 9h ngày 05/7/2018, C đi đến nhà Trần Văn P. Tại đây, C mở hộp nhựa màu đỏ cam, bên trong có 02 chiếc bông tai màu vàng C trộm cắp được tại nhà chị H. C nói với P 02 chiếc bông tại nêu trên là do C trộm cắp được tại nhà của chị H, đồng thời đưa chiếc hộp đựng đôi bông tai màu vàng cho P nhờ P bán hộ. P biết 02 đôi bông tai nêu trên là do C trộm cắp được nhưng vẫn đồng ý bán cho C và cất vào trong túi quần bên phải của P đang mặc. Sau đó P điều khiển xe mô tô của P đi đến tiệm vàng K, thuộc phường T, thành phố TN để kiểm tra chất lượng, khối lượng 02 chiếc bông tai. P đưa 02 bông khuyên tai cho 01 người đàn ông không rõ lai lịch làm ở tiệm vàng để kiểm tra. Sau khi kiểm tra, người đàn ông trả lời đó là 02 chiếc bông tai làm bằng chất liệu vàng 997, có tổng trọng lượng là 02 chỉ. Do muốn chiếm đoạt 02 chiếc bông tai nêu trên nên P không bán mà cất lại 02 chiếc bông tai và mang về nhà cất trong túi áo treo trong tủ của gia đình P. Sau đó P nói dối C là 02 chiếc bông tai làm bằng chất liệu vàng tây, giá 2.000.000đ. P nói với C sẽ trả cho C trước 900.000đ nhưng C không lấy số tiền đó mà chỉ lấy 100.000đ và bảo P giữ số tiền còn lại cho C để mua rượu dần rồi đi về.

Khoảng 19h ngày 06/7/2018, C lại đến nhà của P và nói còn trộm cắp 01 chiếc máy khoan màu xanh nhãn hiệu DongCheng của nhà chị H và nhờ P bán hộ. P đồng ý và điều khiển xe mô tô của P chở C từ nhà P đến cổng nhà C để lấy máy khoan. Đến nơi, P đợi ở ngoài cổng còn C đi bộ 01 mình vào chuồng bò nơi cất giấu chiếc máy khoan, C xách máy khoan ra đưa cho P. Tuy nhiên, khi cầm chiếc máy khoan, P bảo với C không bán mà mang về nhà P sử dụng. Sau đó, P chở chiếc máy khoan về nhà để cất giữ.

Khoảng 13h ngày 08/7/2018, P lấy 02 bông tai bằng vàng đã mua của C trước đó ra đưa cho vợ là bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1961; HKTT xóm Đ, xã Đ, thành phố TN) và nhờ bà C cất đi, khi đưa 02 chiếc bông tai cho bà C, P nói với bà C là nhặt được, bà C tin và cầm 02 chiêc bông tai cất vào tủ quần áo của gia đình để quản lý.

Khoảng 07h ngày 05/7/2018, anh T và chị H đi công trình ở Đông Á Plaza về đến nhà trọ tại tổ 19, phường H, thành phố TN, phát hiện mất trộm tài sản đã làm đơn trình báo đến cơ quan công an đề nghị giải quyết.

Tại kết luận số 188/HĐĐGTS ngày 12/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên xác định: 01 chiếc máy khoan nhãn hiệu DongCheng đã qua sử dụng trị giá 700.000đ; 02 quả trứng gà ta còn sống trị giá 6000; 10 lít rượu trắng trị giá 300.000đ; 02 chiếc bông tai làm bằng chất liệu vàng 997 có tổng trọng lượng 02 chỉ, trị giá 6.920.000đ. Tổng giá trị tài sản mà C trộm cắp được là 7.926.000đ.

Tại cơ quan Điều tra Nguyễn Văn C và Trần Văn P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của C và P phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc máy khoan nhan hiệu DongCheng đã qua sử dụng; 02 chiếc bông tai làm bằng chất liệu vàng 997 có tổng khối lượng là 02 chỉ, số vật chứng này hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Mã Thị H quản lý sử dụng. 02 quả trứng gà ta;10 lít rượu trắng số vật chứng trên Nguyễn Văn C đã sử dụng hết không thu hồi được.

Tại bản cáo trang số 432/CT-VKSTPTN ngày 8 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Trộm cắp tài sản " tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự ; Trần Văn P về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Nguyễn Văn C và Trần Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại là Mã Thị H xác nhận, đã nhận lại tài sản là đôi bông tai và chiếc máy khoan nhãn hiệu DongCheng nên không có yêu cầu bồi thường gì khác đối với bị cáo C và bị cáo P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C xác định khi bà được bị cáo P đưa cho đôi khuyên tai để cất, bà không biết đây là tài sản trộm cắp. Hiện tại, bà đã trả lại tài sản cho người bị hại là chị Mã Thị H.

Kết thúc phần xét hỏi, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng số 432/CT- VKSTPTN, ngày 08/10/ 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo Trần Văn P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 12 tháng đến 18 tháng tù giam

-Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm s khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự; Trần Văn P phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 9 tháng đến 15 tháng tù giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự : Ghi nhận sự thỏa thuận của người bị hại với các bị cáo: 01 chiếc máy khoan nhan hiệu DongCheng đã qua sử dụng; 02 chiếc bông tai làm bằng chất liệu vàng 997 có tổng khối lượng là 02 chỉ, số vật chứng này hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Mã Thị H quản lý sử dụng. 02 quả trứng gà ta, 10 lít rượu trắng số vật chứng trên Nguyễn Văn C đã sử dụng hết không thu hồi được tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Tòa chị H không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000đ của Nguyễn Văn C.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến đối đáp, tranh luận gì với Vị đại diện Viện kiểm sát. Thừa nhận việc truy tố và xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Trộm cắp tài sản", đối với bị cáo Trần Văn P về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là không oan, đúng người đúng tội.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại pH tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến, không kiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như đơn trình báo, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định vào khoảng 18h ngày 04/7/2018 tại tổ 19, phường H, thành phố TN, Nguyễn Văn C đã có hành vi trộm cắp 02 quả trứng gà ta trị giá 6.000đ; 10 lít rượu trắng trị giá 300.000đ; 01 chiếc máy khoan nhãn hiệu DongCheng đã qua sử dụng trị giá 700.000đ; 02 chiếc bông tai làm bằng chất liệu vàng 997 có tổng khối lượng là 02 chỉ, trị giá 6.920.000đ của bà Mã Thị H. Tổng giá trị tài sản mà C trộm cắp được của bà Mã Thị H là 7.926.000đ. Hồi 9h ngày 05/7/2018 và hồi 19h ngày 06/7/2018 tại xóm Đ, xã Đ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, Trần Văn P có hành vi tiêu thụ những tài sản mà P biết là C trộm cắp được là 02 chiếc bông khuyên tai làm bằng chất liệu vàng 997 có tổng trọng lượng là 02 chỉ; 01 chiếc máy khoan nhãn hiệu DongCheng. Hiện 02 chiếc bông tai và 01 chiếc máy khoan nhãn hiệu DongCheng đã trả lại cho bà Mã Thị H quản lý sử dụng. 02 quả trứng gà ta và 10 lít rượu trắng C đã sử dụng hết. Bà H không có yêu cầu đề nghị gì đối với C và P.

Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn C nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản*"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Về tội danh "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" Trần Văn P đã biết đôi bông tai và chiếc máy khoan nhãn hiệu DongCheng là tài sản Nguyễn Văn C trộm cắp được mà có nhưng vẫn đồng ý bán, tiêu thụ giúp C. Như vậy hành vi của Trần Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Nội dung Điều 323 Bộ luật hình sự :

"*1. Người nào không hứa hẹn trước mà... tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm...*".

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nói chung và trên địa bàn thành phố Thái Nguyên nói riêng, ngoài ra hành vi phạm tội của Trần Văn P còn có ý nghĩa khuyến khích, là nguyên nhân hình thành nên các loại tội phạm khác, nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội các bị cáo gây ra để có ý nghĩa giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Các bị cáo đều là những người có nhân thân xấu, ham lời bất chính, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân, không quanh có chối tội, đổ lỗi cho người khác nên được hưởng một tình tiết giảm trách nhiệm hình sự là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, Nguyễn Văn C không phải chịu tình tình tiết tăng nặng trách nhiệm nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Trần Văn P có 01 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm thu lời bất chính lẽ ra Hội đồng xét xử sẽ áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo là phạt tiền. Nhưng xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Mức án đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đề nghị tại pH tòa đối với bị cáo là phù hợp được hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc chị Mã Thị H đã nhận lại tài sản là 01 chiếc máy khoan hiệu DongCheng đã qua sử dụng và 02 chiếc bông tai làm bằng chất liệu vàng 997 có tổng khối lượng là 02 chỉ. 02 quả trứng gà ta và 10 lít rượu trắng bị cáo đã sử dụng hết không thu hồi được, chị Mã Thị H không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000đ của Nguyễn Văn C, đây là tiền C có được do phạm tội.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quyết định tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn P

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Bị cáo Trần Văn P phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (Chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2018.

Xử phạt bị cáo Trần Văn P 12 (Mười hai) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2018.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng xử phạt đối với các bị cáo.

2.Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc chị Mã Thị H đã nhận lại tài sản là 01 chiếc máy khoan hiệu DongCheng đã qua sử dụng và 02 chiếc bông tai làm bằng chất liệu vàng 997 có tổng khối lượng là 02 chỉ. 02 quả trứng gà ta và 10 lít rượu trắng bị cáo đã sử dụng hết không thu hồi được, chị Mã Thị H không có yêu cầu bồi thường gì khác đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3.Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000đ của Nguyễn Văn C.

4.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn C và Trần Văn P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
-TAND,VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Đồng Liên, TPTN,
- Lưu:Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PH TÒA

Ngô Thị Thu Thuận

[2] Về tố tụng: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 bộ luật tố tụng hình sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PH TÒA**

Ngô Thị Thu Thuận